

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 135/BC-NSTP

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2025.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
- + Tên tiếng Việt: CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI
- + Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products and Foodstuff Joint Stock Company.
- + Tên viết tắt: APFCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 29 ngày 19/09/2024.
- Vốn điều lệ: 297.705.780.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy tỷ bảy trăm lẻ năm triệu bảy trăm tám mươi đồng)
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại: (0255) 33827308; 3822529
- Email: apfco@apfco.com.vn
- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn
- Mã cổ phiếu: APF
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
- Năm 2004: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy SX tinh bột mì Sơn Hải (hiện nay là nhà máy SX tinh bột mì Quảng Ngãi – cơ sở 2) vào hoạt động.
- Năm 2005: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Đăk Tô – KonTum.
- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư Nhà máy SX tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.

- Năm 2008: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Tân Châu - Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.

- Năm 2012: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào.

- Năm 2013: Mua lại Nhà máy SX tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.

- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào; Bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.

- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông.

- Năm 2016: Mua và thành lập Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song, Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú.

- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.

- Năm 2019: Góp vốn thành lập Công ty CP tinh bột sắn EaKar.

- Năm 2021: Sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông.

- Năm 2022: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapue.

- Năm 2023: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy.

- Năm 2024: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn (tinh bột mỳ các loại);

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol);

- Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm;

b. Địa bàn kinh doanh:

a) Trong nước:

- Tỉnh Quảng Ngãi:

+ Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi - Cơ sở 1;

+ Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi - Cơ sở 2;

+ Xưởng Cơ Khí;

+ Trung tâm Thương mại Chợ Quảng Ngãi;

- Tỉnh Phú Yên: Nhà máy SXTB tinh bột sắn Đồng Xuân;

- Tỉnh Gia Lai:

+ Nhà máy tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 1;

+ Nhà máy tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 2;

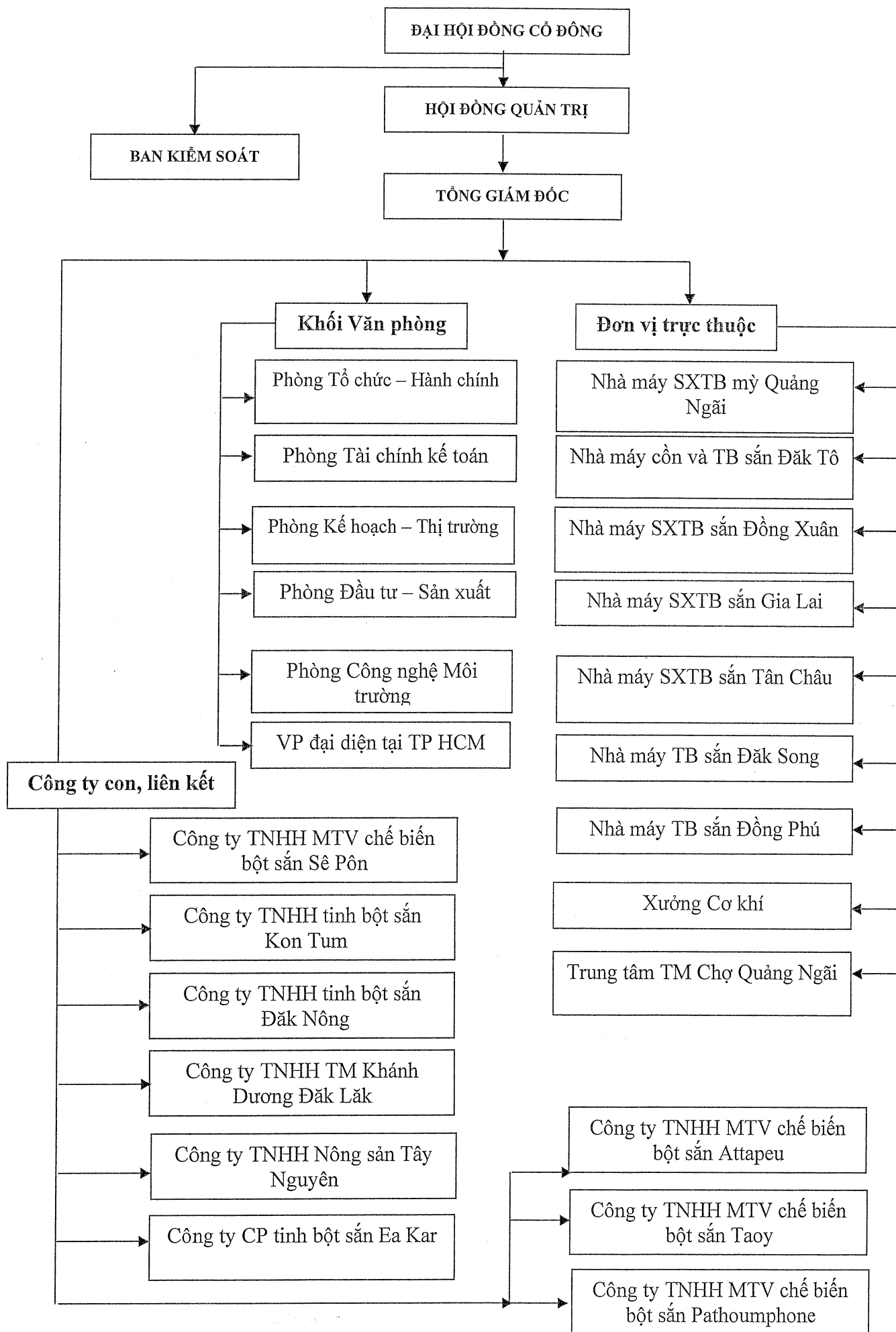
- Tỉnh Kon Tum:
 - + Nhà máy cồn và tinh bột sắn Đắk Tô;
 - + Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum;
- Tỉnh Đắk Lắk:
 - + Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk;
 - + Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên;
 - + Công ty CP tinh bột sắn Eakar;
- Tỉnh Đắk Nông:
 - + Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song;
 - + Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông;
- Tỉnh Đồng Phú: Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú;
- Tỉnh Tây Ninh: Nhà máy SXTB tinh bột sắn Tân Châu;
- Thành phố Hồ Chí Minh: Văn phòng đại diện;
- b) Nước ngoài CHDCND Lào:
 - Tỉnh Savannakhet: Công ty TNHH MTV chế biến tinh bột sắn Sepon;
 - Tỉnh Attapeu: Công ty TNHH MTV chế biến tinh bột sắn Attapeu;
 - Tỉnh Salavan: Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy;
 - Tỉnh Champasack: Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, nước CHDCND Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông	Chế biến Tinh bột sắn	100%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum	Thôn Bình Giang, xã Sa Bình, Huyện Sa Thầy, tỉnh Kontum	Chế biến Tinh bột sắn	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk	Thôn 3, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk	Chế biến Tinh bột sắn	70%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	20%
6	Công ty CP tinh bột sắn EKAR	Thôn 9, xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Chế biến Tinh bột sắn	51%
7	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu	Bản Yaihuamuong, huyện Samakkehisay, tỉnh Attapeu, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
8	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy	Thôn Pangandao, huyện Taoy, tỉnh Salavan, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
9	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone	Bản Paktuay, huyện Pathoumphone, tỉnh Champasack, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%

4. Định hướng phát triển:

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất và cung cấp ra thị trường trong nước và nước ngoài tinh bột sắn, tinh bột biến tính lý, tinh bột biến tính hóa các loại và cồn thực phẩm đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Áp dụng công nghệ thiết bị phù hợp, liên tục đào tạo nhân lực và áp dụng các giải pháp quản lý tiên tiến để hạ giá thành sản phẩm đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, nông dân trồng sắn, người lao động và thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể

đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

- Tăng tỷ trọng đầu tư sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn các loại tại nước Lào.

*** Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến để xử lý hết lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của các nhà máy đảm bảo nước thải sau khi được xử lý sẽ đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; Đầu tư hệ thống ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty, đến thời điểm này toàn bộ lượng bã phát sinh trong quá trình sản xuất được sấy khô để cung cấp cho các cơ sở sản xuất thức ăn gia súc.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm điện, nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

*** Thế giới:**

- Chính sách thuế của Mỹ khó đoán định;

- Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, nhu cầu giảm;

*** Trong nước:**

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Vùng nguyên liệu sắn ở Việt Nam, Thái Lan và Campuchia đều giảm diện tích và sản lượng;

- Cạnh tranh đẩy giá mua nguyên liệu lên cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024.

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	6.700.000	6.697.020	99,96
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	150.000	94.043	62,70
3. Khấu hao	Triệu đồng	100.000	87.027	87,03
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Triệu đồng	230.000	152.901	66,48
5. Khấu hao hợp nhất	Triệu đồng	145.000	139.002	95,86
6. Vốn điều lệ	Triệu đồng	297.700	297.705	100,00
7. Cổ tức	Đồng/CP	3.000-4.000		
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.000	13.100	100,77
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	540.000	549.390	101,74
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	305.000	287.888	94,39
- Tinh bột thường	Tấn	220.000	213.382	96,99

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
- Tinh bột biến tính	Tấn	85.000	74.506	87,65
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	235.000	261.502	111,28
10. Cồn thực phẩm	m3	12.000	11.335	94,46

1.2 Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Lợi nhuận công ty mẹ: đạt 62,70% kế hoạch và 54,75% so với năm trước; Lợi nhuận hợp nhất: đạt 66,48% kế hoạch và 89,58% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do tiêu thụ chậm, giá tinh bột sản giảm nhanh và giá bán bã sản giảm sâu làm giảm lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm.

- Sản lượng tinh bột sản: Đạt 101,74% kế hoạch và đạt 116,14% so với năm 2023, trong 6 tháng đầu năm sản lượng đạt cao, trong 6 tháng cuối năm các nhà máy khu vực Kon Tum, Gia Lai sản lượng thấp nên không đạt kế hoạch. Nhưng các nhà máy ở Lào đều đạt và vượt kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Hội đồng quản trị:

- Ông: Võ Văn Danh Chủ tịch HĐQT
- Ông: Trần Ngọc Hải Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Đồng Văn Lập Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Ngọc Hình Thành viên HĐQT
- Ông: Nguyễn Đức Thắng Thành viên HĐQT

2.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Ngọc Hải Tổng Giám đốc
- Ông: Đồng Văn Lập Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Lê Ngọc Hình Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Đức Thạch Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Phạm Quốc Tài Kế toán trưởng

2.3 Ban Kiểm soát:

- Ông: Phạm Văn Lâm Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Nguyễn Thanh Thành viên
- Ông: Nguyễn Văn Thái Thành viên

2.4. Danh sách ban điều hành

* Ông: Trần Ngọc Hải

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
- Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, TP QNgãi
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Số CCCD : 051073016877
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Điện thoại liên lạc : 0255 3822542
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 613.399 CP, tỷ lệ: 2,06%

*** Ông: Đồng Văn Lập**

Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
Địa chỉ thường trú : Hẻm 581/26 Quang Trung, TP QNGãi.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
Số CCCD : 051076013823
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 263.518,0 CP, tỷ lệ: 0,89%

*** Ông: Lê Ngọc Hình**

Ngày tháng năm sinh : 10/8/1977
Địa chỉ thường trú : Đức Thạnh, Mộ Đức, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
Số CMDN : 051077012004
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3722579
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 500.000,0 CP, tỷ lệ: 1,68%

*** Ông: Trần Đức Thạch**

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
Địa chỉ thường trú : Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 051074007687
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 38226952
Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 351.601,0 CP, tỷ lệ: 1,18 %

*** Ông: Phạm Quốc Tàu**

Ngày tháng năm sinh : 10/12/1979
Địa chỉ thường trú : P.Quảng Phú, TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 051079015908
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0255 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 119.477,0 CP, tỷ lệ: 0,4%

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 21/3/2025).

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2024: Không có thay đổi

2.6. Số lượng cán bộ nhân viên:

Lao động sử dụng bình quân toàn công ty trong năm 2024 là 1.452 lao động, trong đó công ty mẹ là 831 lao động và các công ty con là 621 lao động.

2.7. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng: Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động: Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các dự án đầu tư lớn:

- Đầu tư Dự án Nhà máy chế biến bột sắn Taoy hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng tiến độ (tháng 09/2024) và đạt mục tiêu dự án.

- Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư Dự án Nhà máy chế biến bột sắn công suất 300 tấn SP/ngày của Công ty TNHH MTV CBBS Phathoumphone, Champasak, Lào.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý môi trường ở Nhà máy Đắc Song và Công ty Sê Pôn; Đầu tư mở rộng kho thành phẩm, kho chứa bã ở Công ty Sê Pôn, Công ty Attapeu, đáp ứng yêu cầu sản xuất.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

công ty liên kết:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
I	Công ty con		
1	Công ty TNHH MTV Chế biến Tinh bột sắn Sê Pôn		
a	Tổng cộng tài sản	378.913.129.498	
	- Tài sản ngắn hạn	173.538.848.344	
	- Tài sản dài hạn	205.374.281.154	
b	Tổng cộng nguồn vốn	378.913.129.498	
	- Nợ phải trả	226.192.218.829	
	- Vốn chủ sở hữu	152.720.910.669	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	+ Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	99.465.980.589	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	829.651.158.368	
	- Lợi nhuận trước thuế	83.938.062.321	
	- Lợi nhuận sau thuế	83.938.062.321	
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum		
a	Tổng cộng tài sản	179.496.996.776	
	- Tài sản ngắn hạn	107.871.774.898	
	- Tài sản dài hạn	71.625.221.878	
b	Tổng cộng nguồn vốn	179.496.996.776	
	- Nợ phải trả	105.678.030.394	
	- Vốn chủ sở hữu	73.818.966.382	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.848.094.338	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	379.761.190.863	
	- Lợi nhuận trước thuế	94.347.184	
	- Lợi nhuận sau thuế	94.347.184	
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông		
a	Tổng cộng tài sản	62.816.725.000	
	- Tài sản ngắn hạn	45.634.754.029	
	- Tài sản dài hạn	17.181.970.971	
b	Tổng cộng nguồn vốn	62.816.725.000	
	- Nợ phải trả	34.955.088.549	
	- Vốn chủ sở hữu	27.861.636.451	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.577.322.573	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	193.969.627.851	
	- Lợi nhuận trước thuế	4.419.643.798	
	- Lợi nhuận sau thuế	4.415.098.343	
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk		
a	Tổng cộng tài sản	165.745.638.576	
	- Tài sản ngắn hạn	100.815.125.918	
	- Tài sản dài hạn	64.930.512.658	
b	Tổng cộng nguồn vốn	165.745.638.576	
	- Nợ phải trả	107.109.131.127	
	- Vốn chủ sở hữu	58.636.507.449	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	267.701.289.686	
	- Lợi nhuận trước thuế	698.966.605	
	- Lợi nhuận sau thuế	698.966.605	
5	Công ty CP Tinh bột sắn Eakar		
a	Tổng cộng tài sản	135.218.287.087	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	- Tài sản ngắn hạn	104.952.887.395	
	- Tài sản dài hạn	30.265.399.692	
b	Tổng cộng nguồn vốn	135.218.287.087	
	- Nợ phải trả	93.101.902.540	
	- Vốn chủ sở hữu	42.116.384.547	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	285.598.381.480	
	- Lợi nhuận trước thuế	5.872.464.857	
	- Lợi nhuận sau thuế	5.872.464.857	
6	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu		
a	Tổng cộng tài sản	368.552.453.377	
	- Tài sản ngắn hạn	175.873.710.376	
	- Tài sản dài hạn	192.678.743.001	
b	Tổng cộng nguồn vốn	368.552.453.377	
	- Nợ phải trả	262.724.787.420	
	- Vốn chủ sở hữu	105.827.665.957	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.991.892.590	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	588.043.060.904	
	- Lợi nhuận trước thuế	25.604.931.258	
	- Lợi nhuận sau thuế	25.604.931.258	
7	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy		
a	Tổng cộng tài sản	383.025.259.106	
	- Tài sản ngắn hạn	139.441.905.794	
	- Tài sản dài hạn	243.583.353.312	
b	Tổng cộng nguồn vốn	383.025.259.106	
	- Nợ phải trả	273.613.173.015	
	- Vốn chủ sở hữu	109.412.086.091	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.918.976.251	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	35.648.232.543	
	- Lợi nhuận trước thuế	2.650.459.624	
	- Lợi nhuận sau thuế	2.650.459.624	
8	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone		
a	Tổng cộng tài sản	2.583.468.277	
	- Tài sản ngắn hạn	1.991.723.319	
	- Tài sản dài hạn	591.744.958	
b	Tổng cộng nguồn vốn	2.583.468.277	
	- Nợ phải trả	2.583.468.277	
	- Vốn chủ sở hữu		
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu		

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu		
	- Lợi nhuận trước thuế		
	- Lợi nhuận sau thuế		
II	Công ty liên kết		
1	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên		
a	Tổng cộng tài sản	162.487.309.536	
	- Tài sản ngắn hạn	89.063.433.641	
	- Tài sản dài hạn	73.423.875.895	
b	Tổng cộng nguồn vốn	162.487.309.536	
	- Nợ phải trả	81.001.640.400	
	- Vốn chủ sở hữu	81.485.669.136	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	285.071.634.504	
	- Lợi nhuận trước thuế	7.186.936.097	
	- Lợi nhuận sau thuế	7.186.936.097	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.168.130.173.092	3.410.662.128.239	107,7%
Doanh thu thuần	6.486.204.958.903	6.562.094.461.007	101,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	184.400.169.039	161.892.428.133	87,8%
Lợi nhuận khác	-968.950.740	-273.766.060	28,3%
Lợi nhuận trước thuế	183.431.218.299	161.618.662.073	88,1%
Lợi nhuận sau thuế	181.684.745.055	156.034.258.176	85,9%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,98	0,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,46	0,28	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,86	1,97	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,67	4,79	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,05	1,92	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,02	

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,03	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 21/3/2025 là: 29.770.578,0 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng: 1.673.373,0 CP.

Cụ thể:

+ Cổ phiếu ESOP 2021: 545.674 CP. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 05/9/2022 đến 04/9/2025.

+ Cổ phiếu ESOP 2022: 1.127.699 CP. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 10/01/2024 đến 10/01/2027.

b) Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm ngày 21/3/2025.

STT	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	5.369.403	18,0%
	Cổ đông nhỏ	24.401.175	82,0%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	300.578	1,01%
	Cổ đông cá nhân	29.470.000	98,99%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	29.770.578	100,00%
	Cổ đông nước ngoài		
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	29.770.578	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2024, Công ty đã 2 lần tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu ESOP tăng vốn điều lệ từ 259.367.480.000,0 đồng lên 270.644.470.000,0 đồng.

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2023, tăng vốn điều lệ từ 270.644.470.000,0 đồng lên 297.705.780.000,0 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	6.700.000	6.697.020	99,96
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	150.000	94.043	62,70
3. Khấu hao	Triệu đồng	100.000	87.027	87,03
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Triệu đồng	230.000	152.901	66,48
5. Khấu hao hợp nhất	Triệu đồng	145.000	139.002	95,86
6. Vốn điều lệ	Triệu đồng	297.700	297.705	100,00
7. Cổ tức	Đồng/CP	3.000-4.000		
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.000	13.100	100,77
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	540.000	549.390	101,74
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	305.000	287.888	94,39
- Tinh bột thường	Tấn	220.000	213.382	96,99
- Tinh bột biến tính	Tấn	85.000	74.506	87,65
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	235.000	261.502	111,28
10. Cồn thực phẩm	m3	12.000	11.335	94,46

1.2 Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Lợi nhuận công ty mẹ: đạt 62,70% kế hoạch và 54,75% so với năm trước; Lợi nhuận hợp nhất: đạt 66,48% kế hoạch và 89,58% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do tiêu thụ chậm, giá bột giảm nhanh và giá bán bã sắn giảm sâu làm giảm lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm.

- Sản lượng tinh bột sắn: Đạt 101,74% kế hoạch và đạt 116,14% so với năm 2023, trong 6 tháng đầu năm sản lượng đạt cao, trong 6 tháng cuối năm các nhà máy khu vực Kon Tum, Gia Lai sản lượng thấp nên không đạt kế hoạch. Các nhà máy tại Lào đều đạt và vượt kế hoạch.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ SS
Tài sản ngắn hạn	1.903.473.848.632	1.959.922.463.082	102,97%
Vốn bằng tiền	128.974.297.515	88.415.063.076	68,55%
Các khoản phải thu	575.409.263.072	406.084.146.340	70,57%
Hàng tồn kho	1.013.690.526.550	1.357.165.023.848	133,88%
Tài sản ngắn hạn khác	185.399.761.495	108.258.229.818	58,39%
Tài sản dài hạn	1.264.656.324.460	1.450.739.665.157	114,71%
Các khoản phải thu dài hạn	1.450.604.205	1.279.665.737	88,22%
Tài sản cố định	1.109.232.511.418	1.386.932.999.731	125,04%
Tài sản dở dang dài hạn	108.798.583.055	11.627.649.169	10,69%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.251.235.713	16.803.723.827	97,41%
Tài sản dài hạn khác	27.923.390.069	34.095.626.693	122,10%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.168.130.173.092	3.410.662.128.239	107,66%
Nợ phải trả	2.059.936.157.508	2.262.383.016.852	109,83%
Nợ ngắn hạn	1.936.077.381.896	2.140.259.253.642	110,55%
Nợ dài hạn	123.858.775.612	122.123.763.210	98,60%

Vốn chủ sở hữu	1.108.194.015.584	1.148.279.111.387	103,62%
Vốn góp của chủ sở hữu	259.367.480.000	297.705.780.000	114,78%
Thặng dư vốn cổ phần	107.609.873.380	137.974.546.380	128,22%
Vốn khác của chủ sở hữu	400.000.000	400.000.000	100,00%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(73.786.912.240)	(78.984.119.793)	107,04%
Quỹ đầu tư phát triển	280.830.895.361	304.237.070.786	108,33%
Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	5.250.981.990	11.565.362.132	220,25%
Lợi nhuận chưa phân phối	444.036.348.655	400.983.314.141	90,30%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	84.485.348.438	74.397.157.741	88,06%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	3.168.130.173.092	3.410.662.128.239	107,66%

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2024 cao hơn 9,83% so với cùng kỳ chủ yếu là nợ vay ngắn hạn để mua nguyên liệu.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Môi trường: Cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt. Các Nhà máy được đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp sục khí, tách bùn đảm bảo nước thải đạt chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng và các phụ cấp cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Trong năm 2024, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, chiến tranh Nga - Ukraine, Trung đông gây gián đoạn về chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng thấp, nhu cầu tinh bột giảm, giá ngô giảm, giá tinh bột sản phẩm giảm nhanh, cuối năm giảm 30% so với đầu năm do Thái Lan giảm giá.

- Nhưng nhờ đoàn kết và nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động đã giúp Công ty giảm lỗ, góp phần ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong điều kiện thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, giá tinh bột sản phẩm giảm sâu, nhu cầu thị trường chính là Trung Quốc giảm; Năm 2024, ngành tinh bột sản phẩm rất khó khăn, nhiều doanh nghiệp tinh bột sản phẩm trong nước và khu vực Đông Nam Á bị thua lỗ, doanh thu, sản lượng thấp; Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã nỗ lực điều hành tương đối tốt hoạt động SX-KD, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tập trung một số điểm như sau:

2.1. Về quản lý sản xuất – kinh doanh:

- Về thị trường: Tăng cường khâu giao dịch tiếp thị, tìm khách hàng mới nên sản lượng tiêu thụ tương đối đạt yêu cầu, tuy nhiên do nhu cầu và giá giảm nhanh nên tiêu

thụ chỉ bằng năm 2023; Năm 2024 thị trường Trung Quốc tiêu thụ chậm nên sản lượng chỉ bằng với năm trước. Thị trường Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng trưởng tốt; Thị trường nội địa tiêu thụ đạt mục tiêu tăng trưởng, chiếm tỷ lệ 19,3% tổng sản lượng; Cuối năm 2024 đã tiếp xúc một số khách hàng mở rộng thị trường Indonesia và Ấn Độ, bắt đầu tiêu thụ vào các thị trường này.

- Về sản xuất: Sản lượng tinh bột đạt cao nhờ tăng sản lượng ở các nhà máy tại Lào, sản lượng bột biến tính chưa đạt kế hoạch do thị trường giảm; Chất lượng sản phẩm trong 6 tháng đầu năm thiếu ổn định, đã thực hiện khắc phục trong 6 tháng cuối năm nên chất lượng sản phẩm đã tăng lên và ổn định hơn; Hiệu suất chế luyện tuy có giữ ở mức như năm 2023 nhưng một số nhà máy chưa đạt kế hoạch đề ra; Kiểm soát dị vật, an toàn vệ sinh thực phẩm tốt hơn 2023.

- Vốn và quản lý vốn: Đảm bảo được nguồn vốn vay, nhất là thời điểm chính vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Về công tác quản lý - lao động: Kiện toàn các vị trí quản lý chủ chốt ở Công ty tinh bột sắn Kon Tum, Nhà máy tinh bột mỳ Quảng Ngãi và Công ty tinh bột sắn Taoy; Sắp xếp, luân chuyển cán bộ nghiệp vụ và lao động kỹ thuật về cơ bản đáp ứng yêu cầu của toàn hệ thống; Bố trí đủ cán bộ nghiệp vụ và kỹ thuật cho các Công ty tại Lào.

2.2. Về đầu tư và phát triển:

- Đầu tư Dự án Nhà máy chế biến bột sắn Taoy hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng tiến độ (tháng 09/2024) và đạt mục tiêu dự án.

- Thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư Dự án Nhà máy chế biến bột sắn Pathoumphone công suất 300 tấn SP/ngày.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý môi trường ở Nhà máy Đăk Song và Công ty Sê Pôn; Đầu tư mở rộng kho thành phẩm, kho chứa bã ở Công ty Sê Pôn và Công ty Attapeu.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2025:

3.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	6.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	100.000
3. Khấu hao	Triệu đồng	90.000
4. LN sau thuế Công ty mẹ (HN)	Triệu đồng	180.000
5. Khấu hao hợp nhất	Triệu đồng	160.000
6. Vốn điều lệ	Triệu đồng	327.470
7. Cổ tức	Đồng/CP	2.500-3.000
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.000
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	555.000
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	278.000
- Tinh bột thường	Tấn	200.000
- Tinh bột biến tính	Tấn	78.000
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	277.000
10. Cồn thực phẩm	m3	12.000

3.2 Một số định hướng chủ yếu.

3.2.1. Về quản lý sản xuất – kinh doanh:

- **Về thị trường:** Chọn lọc và mở rộng thêm khách hàng ở Trung Quốc; Củng cố và phát triển thị trường Đài Loan; Đẩy mạnh thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc, thông qua khách hàng sẵn có tăng cường liên kết hình thành kênh phân phối, đại lý nhằm tăng chủng loại và sản lượng; Phối hợp với khách hàng nghiên cứu xúc tiến thị trường Ấn Độ, khôi phục và mở rộng thị trường Malaysia và Indonesia; Tăng tỷ trọng thị trường nội địa so với năm 2024, chú trọng bán trực tiếp vào các cơ sở sản xuất.

- **Về sản xuất:** Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến công nghệ theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng hiệu suất chế luyện, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện phù hợp với điều kiện ở từng đơn vị;

- **Về vốn:** Tích lũy vốn để tiếp tục đầu tư phát triển chế biến tinh bột sắn tại Lào. Tiếp tục dùng lãi của các công ty tại Lào để đầu tư cho các dự án mới tại Lào để hưởng ưu đãi đầu tư cũng như đủ vốn đối ứng để vay ngân hàng;

3.2.2. Về nghiên cứu và phát triển

Hình thành tổ chức nghiên cứu và phát triển để phục vụ công tác nghiên cứu phát triển theo định hướng của Công ty; Nhiệm vụ trước mắt là nghiên cứu và phát triển bột biến tính và các sản phẩm sau tinh bột.

3.2.3. Về đầu tư và phát triển:

- Xây dựng các cơ sở sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (HACCP, FSSC 22000): Trong nước 2 cơ sở sản xuất bột thường và 2 cơ sở sản xuất bột biến tính. Tại Lào 1 cơ sở.

- Tiếp tục nghiên cứu dự án nhà máy Pathoumphone - Lào, công suất 300 tấn SP/ngày, nếu điều kiện thuận lợi thì khởi công năm 2025, hoàn thành đưa vào sản xuất năm 2026.

- Nghiên cứu các cơ hội để tiếp tục đầu tư mở rộng tại Lào.

- Hoàn chỉnh phương án di dời Nhà máy Tân Châu, triển khai địa điểm mới để di dời nhà máy khi hết thời hạn thuê đất (31/12/2026).

3.2.4. Về quản lý – điều hành:

- Giảm biên chế, giảm đầu mối ở các nhà máy, công ty con trong nước và cả ở nước Lào;

- Giảm lao động người Việt Nam và tăng lao động Lào tại các cơ sở sản xuất tại Lào.

- Tuyển dụng lao động kỹ thuật, nghiệp vụ để đáp ứng công tác đầu tư phát triển của công ty.

- Áp dụng các phần mềm quản lý để tăng năng suất lao động;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông: Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	5,73%
2	Ông: Trần Ngọc Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	2,06%
3	Ông: Đồng Văn Lập	Thành viên HĐQT	0,89%
4	Ông: Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT	1,68%
5	Ông: Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT không điều hành	6,94%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban xây dựng cơ bản (Ban Đầu tư), gồm các thành viên sau:

- + Ông: Trần Ngọc Hải - Phó Chủ tịch HĐQT – Trưởng Ban
- + Ông: Lê Ngọc Hình - Thành viên HĐQT
- + Ông: Đồng Văn Lập - Thành viên HĐQT
- + Ông: Phạm Quốc Tài - Kế toán trưởng.
- + Ông: Võ Quang Trực - Phó phụ trách Phòng Đầu tư - Sản xuất.

- Thư ký:

- + Ông: Lê Tuấn Toàn;
- + Ông: Tôn Long Thành Nam;
- + Bà: Võ Thị Nhi;
- + Ông: Nguyễn Mai Hiệp.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ 2024, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. HĐQT đã ban hành 48 nghị quyết và 56 quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý, nhân sự.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông: Phạm Văn Lâm	Trưởng ban	0,40%
2	Ông: Nguyễn Thanh	Thành viên	0,51%
3	Ông: Nguyễn Văn Thái	Thành viên	0,47%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp nhằm triển khai nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2024; triển khai, thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của BKS; tham gia và thống nhất công việc của Ban trong một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024 và việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định và kế hoạch hoạt động SXKD của HĐQT trong năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

- Xem xét tính hợp pháp, hợp lý về trình tự và nội dung ban hành, sửa đổi, bổ sung các nghị Quyết, quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật; quy định nội bộ về quản trị Công ty và công bố thông tin của Công ty theo qui định của UBCK Nhà Nước và Điều lệ Công ty.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, trực tiếp trao đổi, góp ý, có quan điểm rõ ràng tại cuộc họp và đề xuất, kiến nghị với Tổng Giám đốc trong công việc chuyên môn nhằm phòng ngừa các yếu tố rủi ro và đều được ghi nhận.

- Tham gia chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán một số dự án đầu tư của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

- Thù lao của các thành viên HĐQT năm 2024 được ĐHCĐ phê duyệt: từ 11 - 19 triệu đồng/người/tháng;
- Tiền thưởng vượt kế hoạch: Năm 2024 không có tiền thưởng do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 không vượt kế hoạch.
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc: 58-80 triệu đồng/người/tháng.

b) Ban Kiểm soát:

- Tiền thù lao các thành viên BKS trong năm 2024 như sau:
 - + Trưởng BKS là: 11 triệu đồng/ tháng
 - + Thành viên BKS là: 07 triệu đồng/tháng
- Tiền thưởng vượt kế hoạch: Năm 2024 không có tiền thưởng do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 không vượt kế hoạch.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan, cổ đông lớn đối với cổ phiếu của công ty: *Có Phụ lục số 01 kèm theo.*

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm năm 2024 đăng tải tại Website: apfco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính 2024.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như trên;
- Công bố website Cty;
- Lưu: VT, TK.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Hải

**C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM
QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (05/02/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (21/3/2025)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Văn Danh		1.705.612	5,73%	1.705.612	5,73%	
1.1	Đặng Mỹ Ái Hoa	Vợ	412.239	1,38%	412.239	1,38%	
1.2	Võ Đặng Thục Khang	Con đẻ	61.226	0,21%	61.226	0,21%	
1.3	Đoàn Ngọc Hùng	Con rể	251.791	0,85%	251.791	0,85%	
2	Trần Ngọc Hải		613.399	2,06%	613.399	2,06%	
2.1	Trần Thùy Dương	Con đẻ	30.613	0,10%	30.613	0,10%	
3	Đồng Văn Lập		263.518	0,89%	263.518	0,89%	
3.1	Phạm Thị Minh Suong	Vợ	600	0,00%	600	0,00%	
4	Lê Ngọc Hình		500.000	1,68%	500.000	1,68%	
5	Nguyễn Đức Thắng		2.067.375	6,94%	2.067.375	6,94%	
5.1	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Vợ	300.520	1,01%	300.520	1,01%	
6	Lê Tuấn Toàn		1.027.809	3,45%	1.022.809	3,44%	Bán

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (05/02/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (21/3/2025)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
6.1	Ngô Thị Lạc	Vợ	21.428	0,07%	21.428	0,07%	
6.2	Lê Ngô Tuấn An	Con đẻ	1.982	0,01%	1.982	0,01%	
6.3	Phạm Thị Hoa	Con dâu	10.616	0,04%	11.316	0,04%	Mua
7	Trần Đức Thạch		351.601	1,18%	351.601	1,18%	
7.1	Nguyễn Duy Thiêm	Em rể	68.795	0,23%	68.814	0,23%	Mua
8	Phạm Quốc Tài		119.077	0,40%	119.477	0,40%	Mua
9	Phạm Văn Lâm		119.018	0,40%	119.018	0,40%	
10	Nguyễn Thanh		152.692	0,51%	152.692	0,51%	
10.1	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Vợ	103.131	0,35%	103.131	0,35%	
10.2	Nguyễn Hồng Hiên	Con đẻ	10.520	0,04%	10.520	0,04%	
11	Nguyễn Văn Thái		140.284	0,47%	140.284	0,47%	
11.1	Nguyễn Văn Thụ	Anh ruột	2.777	0,01%	2.777	0,01%	